

BỘ XÂY DỰNG

Số: 55 /QĐ-BXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025; kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các nội dung công bố trước đây đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa được quy định tại Quyết định này hết hiệu lực.

Riêng việc bãi bỏ thủ tục hành chính Cho phép phương tiện thủy nội địa vào/rời cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB) có hiệu lực kể từ ngày Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (BTP);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy;
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Các Cảng vụ đường thủy nội địa;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG
LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /QĐ-BXD ngày 15 tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A.	Thủ tục hành chính do cơ quan trung ương giải quyết			
1.	1.001889	Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
2.	1.004276	Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam/Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa
3.	1.004166	Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi		Bộ Xây dựng/Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
4.	1.004147	Công bố đóng cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi		Bộ Xây dựng
5.	1.004291	Công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải		Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa

6.	1.004106	Công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước đối với luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyên tải chuyên dùng được công bố định kỳ	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa
7.	1.004077	Công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
8.	1.004058	Công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải		Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa
9.	1.004066	Công bố thông báo hàng hải về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải		Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa

10.	1.002490	Giao tuyến dẫn tàu	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
11.	1.002656	Cấp Giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.
12.	1.000274	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.
13.	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Xây dựng, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Xây dựng

14.	1.004850	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
15.	1.005115	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải		Chi cục Hàng hải và Đường thủy
16.	3.000188	Chấp thuận hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam		Bộ Xây dựng
17.	2.002623	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải, đường thủy nội địa quốc gia		Bộ Xây dựng
B Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết				
1.	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động		Sở Xây dựng

3.	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng
4.	1.001223	Cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5.	2.001998	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
6.	2.002001	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7.	1.000940	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
8.	1.007949	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
9.	1.000892	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10.	2.000378	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

		biển đã qua sử dụng để phá dỡ		
11.	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12.	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
13.	2.001802	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1.	1.002763	Chấp thuận đặt tên tàu biển	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.
2.	1.004142	Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
3.	1.004134	Đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
4.	1.002236	Gia hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời		Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
5.	1.002249	Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải
6.	1.003391	Cho phép phương tiện thủy nội địa vào cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB)		Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa
7.	1.003286	Cho phép phương tiện thủy nội địa rời cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB)		Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa
8.	1.001810	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
9.	1.001830	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan giải quyết TTHC
Danh mục TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực xây dựng (Nhóm A)				
1	5.002555	Đánh giá, phân loại cảng biển	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Thủ tướng chính phủ
2	5.002544	Lấy ý kiến về nội dung trong quy hoạch có ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ công trình hàng hải		Bộ Xây dựng

B. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1) Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải (mã TTHC: 1.001889)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi phê duyệt dự án đầu tư, chủ đầu tư gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hồ sơ đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của chủ đầu tư, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản lấy ý kiến các cơ quan liên quan về đề nghị của chủ đầu tư. Trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến cùng hồ sơ liên quan kèm theo, các cơ quan liên quan có văn bản tham gia ý kiến gửi tới Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan đối với đề nghị của chủ đầu tư, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Bản chính hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bản vẽ mặt bằng công trình thể hiện tọa độ vị trí công trình chính và các công trình phụ trợ khác, khoảng cách từ biên công trình đến các công trình liền kề;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ pháp lý về khu đất nghiên cứu dự án (cụ thể tọa độ biên khu đất)

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan đối với đề nghị của chủ đầu tư.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: các cơ quan liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Văn bản đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải;

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải:

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết
cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải**

Kính gửi: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: ngày tháng năm tại

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xem xét, thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải theo quy định, với các thông tin dưới đây:

1. Tên dự án:

2. Sự cần thiết đầu tư xây dựng:

3. Vị trí:

4. Loại tàu biển giới hạn vào cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải:.....

5. Thông số kỹ thuật của cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải:.....

6. Công suất thông qua của Cảng:.....

7. Tổng diện tích dự kiến xây dựng:

8. Tài liệu liên quan kèm theo (nếu có):

Kính đề nghị Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xem xét, trả lời.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2) Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải (mã TTHC: 1.004276)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi tiến hành các hoạt động xây dựng các công trình cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và khu nước, vùng nước, chủ đầu tư có trách nhiệm trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải và tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được phê duyệt.

- Các trường hợp phải lập Phương án bảo đảm an toàn hàng hải, bao gồm:

+ Xây dựng, thi công các công trình cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và khu nước, vùng nước;

+ Xây dựng các công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm, giàn khoan, điện gió, thủy điện, nhiệt điện và các công trình tương tự khác;

+ Thi công, đầu tư xây dựng các công trình trong vùng biển Việt Nam ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải;

+ Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố. Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật về bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố.

- Đối với Phương án bảo đảm an toàn hàng hải thuộc trường hợp xây dựng, thi công các công trình cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và khu nước, vùng nước; Xây dựng các công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm, giàn khoan, điện gió, thủy điện, nhiệt điện và các công trình tương tự khác; Thi công, đầu tư xây dựng các công trình trong vùng biển Việt Nam ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải: Chủ đầu tư gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa.

- Đối với Phương án bảo đảm an toàn hàng hải thuộc trường hợp Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố. Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật về bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố: doanh nghiệp cảng gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với Phương án bảo đảm an toàn hàng hải thuộc trường hợp xây dựng, thi công các công trình cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải,

báo hiệu hàng hải và khu nước, vùng nước; thi công, đầu tư xây dựng các công trình trong vùng biển Việt Nam ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải:

+ Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa (trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam) quản lý tại khu vực tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này; trường hợp hồ sơ hợp lệ, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ lấy ý kiến của doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải, hoa tiêu hàng hải và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến cùng hồ sơ liên quan kèm theo, các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị liên quan được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến gửi tới Cảng vụ;

+ Chậm nhất 02 ngày làm việc từ khi nhận được ý kiến của các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị liên quan, Cảng vụ phải có quyết định phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải và trả kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho chủ đầu tư. Trong trường hợp không phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải phải có văn bản trả lời chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Đối với Phương án bảo đảm an toàn hàng hải thuộc trường hợp xây dựng các công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm, giàn khoan, điện gió, thủy điện, nhiệt điện và các công trình tương tự khác:

+ Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp hồ sơ hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa lấy ý kiến của doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải, hoa tiêu hàng hải và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến cùng hồ sơ liên quan kèm theo, các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị liên quan được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến gửi tới Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa;

+ Chậm nhất 01 ngày làm việc từ khi nhận được ý kiến của các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị liên quan, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa phải lấy ý kiến chấp thuận của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam. Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án bảo đảm an toàn hàng hải gửi Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Chậm nhất 03 ngày làm việc từ khi nhận được ý kiến của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa phải có quyết định phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho Chủ đầu

tư. Trong trường hợp không phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải phải có văn bản trả lời Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Đối với Phương án bảo đảm an toàn hàng hải thuộc trường hợp Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố. Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật về bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố:

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hướng dẫn doanh nghiệp cảng hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp hồ sơ hợp lệ, chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam lấy ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng đối với Hồ sơ đánh giá kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng đáp ứng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố; ý kiến của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa, doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải, hoa tiêu hàng hải và các cơ quan, đơn vị liên quan đối với nội dung phương án bảo đảm an toàn hàng hải. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến cùng hồ sơ liên quan kèm theo, các cơ quan liên quan có văn bản tham gia ý kiến gửi tới Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

+ Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa, doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải, hoa tiêu hàng hải và các cơ quan, đơn vị, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản báo cáo Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố. Chậm nhất 05 ngày làm việc, Bộ Xây dựng có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận;

+ Chậm nhất 05 ngày làm việc từ khi có văn bản của Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam phải có quyết định phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp cảng. Trong trường hợp không phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải phải có văn bản trả lời doanh nghiệp cảng và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với Phương án bảo đảm an toàn hàng hải thuộc trường hợp xây dựng, thi công các công trình cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và khu nước, vùng nước; Xây dựng các công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm, giàn khoan,

điện gió, thủy điện, nhiệt điện và các công trình tương tự khác; Thi công, đầu tư xây dựng các công trình trong vùng biển Việt Nam ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải:

- + Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải;

- + Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định đầu tư xây dựng công trình;

- + Bản sao hoặc bản sao điện tử bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình;

- + Bản chính phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

- Đối với Phương án bảo đảm an toàn hàng hải thuộc trường hợp Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố. Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật về bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố:

- + Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải;

- + Bản chính Hồ sơ đánh giá kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng đáp ứng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố;

- + Bản chính Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương án bảo đảm an toàn hàng hải thuộc trường hợp xây dựng, thi công các công trình cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và khu nước, vùng nước; Thi công, đầu tư xây dựng các công trình trong vùng biển Việt Nam ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải: Chậm nhất 02 ngày làm việc từ khi nhận được ý kiến của các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị liên quan.

- Đối với phương án bảo đảm an toàn hàng hải thuộc trường hợp xây dựng các công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm, giàn khoan, điện gió, thủy điện, nhiệt điện và các công trình tương tự khác: Chậm nhất 03 ngày làm việc từ khi nhận được ý kiến của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Đối với phương án bảo đảm an toàn hàng hải thuộc trường hợp Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố. Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật về bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố: Chậm nhất 05 ngày làm việc từ khi có văn bản của Bộ Xây dựng.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa;
- d) Cơ quan phối hợp: doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải, hoa tiêu hàng hải và các cơ quan, đơn vị liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải;
- Quyết định phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải:

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
/DOANH NGHIỆP CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàythángnăm ..

Số:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

Kính gửi:.....(1).....

Tên chủ đầu tư/Doanh nghiệp cảng:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị(1).....xem xét, phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải, với các thông tin dưới đây:

Trường hợp tiến hành xây dựng, thi công các cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước

1. Tên công trình:.....

2. Vị trí xây dựng công trình:

3. Thời gian thực hiện:

4. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có):.....

5. Văn bản kèm theo:

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định xây dựng công trình;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình;

- Bản chính Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

Trường hợp bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố

1. Tên bến cảng, cầu cảng:.....

2. Vị trí bến cảng, cầu cảng:

3. Thông số kỹ thuật (trọng tải, kích thước, lượng giãn nước) của tàu biển:

4. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có):.....

5. Văn bản kèm theo:

- Bản chính Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

- Bản chính Hồ sơ đánh giá kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng đáp ứng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố.

Kính đề nghị(1)..... xem xét, giải quyết.

CHỦ ĐẦU TƯ/DOANH NGHIỆP CẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tên của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

Mẫu Quyết định phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải:.....(1).....
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(2)...., ngày ... tháng năm

Số: .../QĐ-...(1)..

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải**
_____**CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM/**
GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI/CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Căn cứ.....

Căn cứ.....

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải với các nội dung chính như sau:

Trường hợp tiến hành xây dựng, thi công các cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước

1. Thông tin chung về công trình, dự án
2. Thời gian thi công, xây dựng
3. Biện pháp thi công
4. Biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải
5. Việc lắp đặt, điều chỉnh báo hiệu
6. Phương án tổ chức, phối hợp thực hiện, kiểm tra, giám sát

Trường hợp bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố

1. Về đối tượng áp dụng của Phương án
 - a. Tên bến cảng, cầu cảng
 - b. Vị trí bến cảng, cầu cảng
 - c. Thông số kỹ thuật của tàu biển
2. Điều kiện khai thác
3. Biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải
4. Biện pháp ứng phó, xử lý sự cố và tai nạn hàng hải
5. Trách nhiệm các bên liên quan

Điều 2. Tổ chức thực hiện**Điều 3. Hiệu lực thi hành****Điều 4. Trách nhiệm thực hiện****Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

-

.....
Người có thẩm quyền ký, đóng dấu

(1) Cơ quan ban hành Quyết định.

(2) Địa điểm nơi ban hành Quyết định.

3) Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi (mã TTHC: 1.004166)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi. Chậm nhất 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi có văn bản trả lời Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam. Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng công bố cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi.

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Bộ Xây dựng công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi và gửi cho chủ đầu tư trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc chủ đầu tư đến nhận trực tiếp tại Bộ Xây dựng.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản nghiệm thu công trình cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, luồng hàng hải (trong trường hợp luồng hàng hải được công bố cùng thời điểm công bố mở cảng biển) đã hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng có kèm theo văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo quy định, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình cảng; đối với cảng dầu khí ngoài khơi, không yêu cầu bản vẽ mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình cảng;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản nghiệm thu giữa chủ đầu tư và các cơ quan hoặc tổ chức có thẩm quyền về kết quả khảo sát chướng ngại vật tại mặt đáy vùng nước trước cầu cảng và luồng hàng hải, trừ cảng dầu khí ngoài khơi;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Thông báo hàng hải về luồng hàng hải và vùng nước trước cầu cảng kèm theo bình đồ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi, thông báo hàng hải về vùng an toàn khu vực cảng dầu khí ngoài khơi;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cảng dầu khí ngoài khơi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định về việc mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi.

8. Phí, lệ phí: Không có

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi;

- Quyết định về việc mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi đã được nghiệm thu để đưa vào sử dụng theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi:**TÊN CHỦ ĐẦU TƯ**
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi**
(Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng)

Kính gửi: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: ngày tháng năm tại ...

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xem xét, tiến hành thủ tục công bố mở cảng biển theo quy định tại Điều... Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên cảng biển:

2. Vị trí cảng biển:

3. Vùng đón trả hoa tiêu:

4. Loại tàu biển:

5. Giới hạn trọng tải của tàu biển được phép vào hoạt động:.....

6. Văn bản kèm theo:

Tài liệu liên quan khác.

Kính đề nghị Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xem xét, giải quyết./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu Quyết định về việc mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi.

BỘ XÂY DỰNG

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ

Căn cứ

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố mở cảng biển thuộc địa phận để tiếp nhận tàu thuyền trong nước và ngoài nước ra vào hoạt động bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác có liên quan, cụ thể như sau:

1. Tên cảng:
2. Vị trí cảng:
3. Vùng đón trả hoa tiêu:
4. Vùng kiểm dịch:
5. Loại tàu thuyền:
6. Luồng hàng hải:

Điều 2.

Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa có trách nhiệm sau đây:

1. Quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại khu vực Cảng biển và được thu các khoản phí theo quy định của pháp luật;
2. Căn cứ điều kiện thực tế, giới hạn độ sâu vùng nước trước cầu cảng, luồng cảng biển và các quy định của pháp luật có liên quan để cho phép tàu thuyền có các thông số kỹ thuật phù hợp với thiết kế cầu cảng ra vào bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 3. Chủ đầu tư căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan và điều kiện khai thác cầu cảng để tổ chức khai thác cầu cảng thuộc Cảng biển đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và được thu các khoản phí theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực Cảng biển

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực, kể từ ngày

Điều 6. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ Đường thủy nội địa, Giám đốc Cảng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tư lệnh bộ đội Biên phòng;
- Tổng cục Hải quan;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Lưu: Văn thư, (3b).

4) Công bố đóng cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi (mã TTHC: 1.004147)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người đề nghị gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ Xây dựng 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị công bố đóng cảng biển.

- Cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi được xem xét công bố đóng trong các trường hợp sau:

- + Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc các lý do đặc biệt khác;
- + Cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi không còn đủ điều kiện hoạt động theo quy định;
- + Khi có dịch bệnh, thiên tai, thảm họa và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc các lý do đặc biệt khác:

+ Trường hợp khẩn cấp, Bộ Xây dựng quyết định đóng cảng biển và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

+ Đối với các trường hợp khác, chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị đóng cảng biển, Bộ Xây dựng tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan hữu quan về việc đóng cảng biển và công bố đóng cảng biển. Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến về đề nghị đóng cảng biển của Bộ Xây dựng, các cơ quan hữu quan có văn bản tham gia ý kiến gửi tới Bộ Xây dựng. Chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan hữu quan về đề nghị đóng cảng biển, Bộ Xây dựng công bố đóng cảng biển; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi không còn đủ điều kiện hoạt động theo quy định hoặc khi có dịch bệnh, thiên tai, thảm họa và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật:

+ Bộ Xây dựng tiếp nhận văn bản, trường hợp văn bản chưa hợp lệ thì chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản, Bộ Xây dựng hướng dẫn hoàn thiện văn bản theo quy định tại Nghị định này.

+ Trường hợp văn bản hợp lệ thì chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Bộ Xây dựng tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan liên quan về việc đóng cảng biển.

+ Chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến về đề nghị đóng cảng biển của Bộ Xây dựng, các cơ quan liên quan có văn bản tham gia ý kiến gửi tới Bộ Xây dựng. Chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan về đề nghị đóng cảng biển, Bộ Xây dựng công bố đóng cảng biển; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị đóng cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Xây dựng;

d) Cơ quan phối hợp: các cơ quan hữu quan.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định về việc đóng cảng biển.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị công bố đóng cảng biển;

- Quyết định về việc đóng cảng biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

Mẫu Đơn đề nghị đóng cảng biển:...(1)...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố đóng cảng biển

Kính gửi: ...(2)...

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: ngày tháng năm

tại

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị ...(2)... xem xét, tiến hành thủ tục đóng cảng biển theo quy định tại Điều... Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:

2. Vị trí công trình:

3. Lý do đóng:

4. Đề xuất chuyển giao quản lý luồng tàu, nhân sự, đất đai (nếu có):

5. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):

Kính đề nghị ...(2)... xem xét, giải quyết.

Ghi chú:

(1) Tên chủ đầu tư;

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu Quyết định về việc đóng cảng biển:**BỘ XÂY DỰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đóng cảng biển**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ

Căn cứ

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Nay đóng thuộc địa phận**Điều 2.** Tuyến luồng hàng hải giao tổ chức tiếp nhận quản lý, bảo trì theo quy định của pháp luật.**Điều 3.** Các cơ quan có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan bàn giao công tác quản lý khai thác tuyến luồng; phối hợp giải quyết kịp thời các vấn đề có liên quan nhằm bảo đảm công tác quản lý được thực hiện liên tục, không ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến luồng.**Điều 4.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:**BỘ TRƯỞNG**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, QP, YT, CA, NN&PTNT;
- UBND tỉnh
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng (để biết);
- Kho bạc NN Trung ương;
- Công ty
- Trang TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu: Văn thư, KCHT.

5) Công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải (mã TTHC: 1.004291)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư hoặc người khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, công bố thông báo hàng hải; trường hợp không công bố phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị của chủ đầu tư hoặc người khai thác theo Mẫu;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền về việc thiết lập báo hiệu hàng hải;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử thiết kế kỹ thuật;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải;
- Thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải:

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

... .., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

Về việc:

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số/20..../NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị
..... công bố thông báo hàng hải về việc

Hồ sơ kèm theo bao gồm

- 1.....
- 2.....

Nơi nhận:

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng
dấu)

-
-

Mẫu Thông báo hàng hải về việc thiết lập mới báo hiệu hàng hải:

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG
THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI/CẢNG
VỤ ĐƯỜNG THỦY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

Số:/TBHH-.....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc thiết lập mới

Vùng biển:
Tên luồng: (nếu có)
Tên báo hiệu:
Căn cứ
Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy..... thông báo thiết lập mới
với các đặc tính như sau:
- Vị trí
- Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Tác dụng:

1. Báo hiệu thị giác

a) Đặc tính nhận biết ban ngày

-

Hình

dạng:

- Màu sắc:
- Dấu hiệu đỉnh: (nếu có).
- Số hiệu (Chữ hiệu): (nếu có).
- Chiều cao toàn bộ: m, tính đến
- Chiều cao công trình: ... m, tính đến mặt đất (dành riêng cho báo hiệu cố định).
- Chiều rộng trung bình: ... m (dành riêng cho báo hiệu cố định).
- Tầm nhìn địa lý: hải lý với chiều cao của mắt người quan sát bằngm.

b) Đặc tính ánh sáng ban đêm

- Đặc tính ánh sáng:
- Phạm vi chiếu sáng:
- Chiều cao tâm sáng: m, tính đến

- Tầm hiệu lực ánh sáng: ... hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T=0,74$

2. Báo hiệu vô tuyến điện:

a) Racon:

- Dải tần hoạt động:
- Mã tín hiệu nhận dạng:

- Chu kỳ hoạt động:
- Tầm hiệu lực: hải lý với radar có công suất phát kW, chiều cao ăng ten radar..... m.

b) Báo hiệu hàng hải AIS:

- Loại báo hiệu hàng hải AIS:
- Dải tần hoạt động:
- Số nhận dạng (MMSI):
- Tần suất phát thông tin:
- Tầm hiệu lực:
- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải:

3. Báo hiệu âm thanh

- Cường độ phát âm:
- Tần số phát âm:
- Mã tín hiệu phát âm:
- Chu kỳ phát âm:
- Tầm hiệu lực âm phát: hải lý với tốc độ gió cấp 1.

Ghi chú:

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NEU CẦN)

.....

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
- Các Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy ...;
- Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Website Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy....;
-

.....
Người có thẩm quyền ký, đóng dấu

6) Công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước đối với luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyển tải chuyên dùng được công bố định kỳ (mã TTHC: 1.004106)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đối với luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyển tải chuyên dùng được công bố định kỳ: Chủ đầu tư hoặc người khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, công bố thông báo hàng hải; trường hợp không công bố, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị của chủ đầu tư hoặc người khai thác;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Bình đồ khảo sát độ sâu được thực hiện trong thời hạn tối đa 15 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ, báo cáo khảo sát và các tài liệu liên quan thu thập tại hiện trường

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Chủ đầu tư hoặc người khai thác.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải.
- Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước.

8. Phí, lệ phí: Không có.**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải;
- Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải;
- Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải:

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

Số: /.....

... .., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

Về việc:

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số/20..../NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị

công bố thông báo hàng hải về việc

Hồ sơ kèm theo bao gồm

1.....

2.....

Nơi nhận:

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

-

-

Mẫu Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải:

.....

 Số: ... /TBHH-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải

Vùng biển:

Tên luồng: (nếu có).....

Căn cứ:

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam/Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy thông báo về thông số kỹ thuật của như sau:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng ... m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt.... m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (đề b/c);
(trường hợp Cảng vụ thông báo định kỳ)
- Các Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;
- Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Website Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam....;
-

.....
Người có thẩm quyền ký, đóng dấu

Ghi chú:

1. Có thể thông báo độ sâu của từng đoạn luồng trên một tuyến luồng.
2. Nếu trên một đoạn luồng có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung trên toàn tuyến, không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và chỉ rõ các khu vực có những điểm độ sâu nhỏ hơn độ sâu được công bố.

Mẫu Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước:

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /TBHH-.....

....., ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước

Vùng biển:

Tên luồng: (nếu có).

Căn cứ:

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam/Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy
 thông báo về thông số kỹ thuật của như sau: trong
 phạm vi được giới hạn bởi các điểm

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số kHz tính đến mực nước “số 0
 hải đồ” đạt.... m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**Nơi nhận:**

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
 (trường hợp Cảng vụ thông báo định kỳ)
- Các Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;
- Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử
 hàng hải Việt Nam;
- Website Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam....;
-

.....
Người có thẩm quyền ký, đóng dấu

Ghi chú:

- (1) Cơ quan chủ quản.
- (2) Cơ quan có thẩm quyền công bố Thông báo hàng hải.

Nếu trong phạm vi thông báo có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung, không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và chỉ rõ các khu vực có những điểm độ sâu nhỏ hơn độ sâu được công bố.

7) Công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp (mã TTHC: 1.004077)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư hoặc người khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, công bố thông báo hàng hải; trường hợp không công bố, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

2. Cách thức thực hiện:

Gửi hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị của chủ đầu tư hoặc người khai thác;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản trả lời của cấp có thẩm quyền về sự phù hợp với quy hoạch cảng biển;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử bản vẽ hoàn công;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát và rà quét chương ngại vật;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Bình đồ khảo sát độ sâu được thực hiện trong thời hạn tối đa 15 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ, báo cáo khảo sát và các tài liệu liên quan thu thập tại hiện trường;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Bình đồ tuyến rà quét chương ngại vật.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Chủ đầu tư hoặc người khai thác.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải.
- Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải;
- Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải;
- Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

Mẫu Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải:**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ**

.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

... .., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

Về việc:

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số/20..../NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị công bố thông báo hàng hải về việc

Hồ sơ kèm theo bao gồm

1.....

2.....

Nơi nhận:.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

-

-

Mẫu Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước:

(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TBHH-.....

....., ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO HÀNG HẢI**Về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước**

Vùng biển:

Tên luồng: (nếu có).

Căn cứ:

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam/Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy thông báo về thông số kỹ thuật của như sau: trong phạm vi được giới hạn bởi các điểm

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt.... m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**Nơi nhận:**

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c); (trường hợp Cảng vụ thông báo định kỳ)
- Các Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;
- Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Website Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam....;
-

.....
Người có thẩm quyền ký, đóng dấu

Ghi chú:

(1) Cơ quan chủ quản.

(2) Cơ quan có thẩm quyền công bố Thông báo hàng hải.

Nếu trong phạm vi thông báo có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung, không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và chỉ rõ các khu vực có những điểm độ sâu nhỏ hơn độ sâu được công bố.

Mẫu Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TBHH-....

....., ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO HÀNG HẢI **Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải**

Vùng biển:

Tên luồng: (nếu có).....

Căn cứ:

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam/Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy thông báo về thông số kỹ thuật của như sau:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng ... m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt.... m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
(trường hợp Cảng vụ thông báo định kỳ)
- Các Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;
- Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử
hàng hải Việt Nam;
- Website Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam....;
-

.....
Người có thẩm quyền ký, đóng dấu

Ghi chú:

1. Có thể thông báo độ sâu của từng đoạn luồng trên một tuyến luồng.
2. Nếu trên một đoạn luồng có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung trên toàn tuyến, không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và chỉ rõ các khu vực có những điểm độ sâu nhỏ hơn độ sâu được công bố.

8) Công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải (mã TTHC: 1.004058)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư hoặc người khai thác gửi 01 bộ hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, công bố thông báo hàng hải; trường hợp không công bố, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị của chủ đầu tư hoặc người khai thác;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Văn bản chấp thuận cho phép hoạt động thi công của cấp có thẩm quyền;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử sơ đồ hoặc bản vẽ mặt bằng thi công;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Phương án bảo đảm an toàn hàng hải được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử các thông số kỹ thuật chủ yếu của các phương tiện thi công.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Chủ đầu tư hoặc người khai thác.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải.
- Thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải:**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ**

.....

Số: /.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**.....
... .., ngày tháng năm**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

Về việc:

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số/20..../NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị
..... công bố thông báo hàng hải về việc
.....

Hồ sơ kèm theo bao gồm

1.....

...

2.....

...

Nơi nhận:

-

-

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng
dấu)

Mẫu thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải:

CỤC HÀNG HẢI VÀ
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG
HẢI/CẢNG VỤ ĐƯỜNG
THỦY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

Số: ... /TBHH-.....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về khu vực thi công công trình

Vùng biển:
Tên luồng:(nếu có).
Căn cứ:
Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy thông báo
thiết lập khu vực thi công công trình được giới hạn bởi các điểm

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Thời gian thi công: Từgiờ ngày đến giờ.... ngày
Đặc điểm của các phương tiện thi công:

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (đề b/c);
- Các Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy ...;
- Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Website Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy....;
-

.....
Người có thẩm quyền ký, đóng dấu

Ghi chú: Đối với các công trình thi công trên diện rộng có thể tiến hành mô tả khu vực thi công thay cho việc công bố tọa độ giới hạn

9) Công bố thông báo hàng hải về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải (mã TTHC: 1.004066)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư hoặc người khai thác gửi 01 bộ hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, công bố thông báo hàng hải; trường hợp không công bố, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị của chủ đầu tư hoặc người khai thác;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử bản vẽ hoàn công;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản nghiệm thu kết quả rà quét chướng ngại vật;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Chủ đầu tư hoặc người khai thác.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Thông báo hàng hải về công trình ngầm hoặc công trình vượt qua luồng hàng hải.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải.
- Thông báo hàng hải về công trình ngầm hoặc công trình vượt qua luồng hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

.....

Số: /.....

... .., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

Về việc:

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số/20..../NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị công bố thông báo hàng hải về việc

Hồ sơ kèm theo bao gồm

1.....

2.....

Nơi nhận:.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

-

-

Mẫu thông báo hàng hải về công trình ngầm hoặc công trình vượt qua luồng hàng hải:

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG
THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI/CẢNG
VỤ ĐƯỜNG THỦY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

Số: ... /TBHH-....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về công trình ngầm hoặc công trình vượt qua luồng hàng hải

Vùng biển:

Tên công trình: (nếu có).

Căn cứ:

Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy thông báo về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải với các đặc tính như sau:

- Vị trí:

- Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Chiều cao hoặc chiều sâu toàn bộ:m, tính đến

- Chiều rộng trung bình: ... m

- Đặc tính điểm nhận dạng vào ban ngày hoặc ban đêm (nếu có)

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (đề b/c);
- Các Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy ...;
- Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Website Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy....;
-

.....
Người có thẩm quyền ký, đóng dấu

10) Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (mã TTHC: 1.013466)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tiếp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Tổ chức gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo mẫu;
- Bản chính sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu hàng hải;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Văn bản phê duyệt dự án đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn;
- Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

Mẫu Đơn đề nghị Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn:**TÊN TỔ CHỨC**
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn(2)

Kính gửi:(3).....

1. Thông tin tổ chức đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn
 - a) Tên tổ chức/Doanh nghiệp:
 - b) Người đại diện theo pháp luật:
 - c) Đăng ký kinh doanh:.....ngày.....tháng.....năm.....tại
 - d) Địa chỉ:
 - đ) Số điện thoại liên hệ:.....
 2. Nội dung đề xuất
 - a) Quy mô, kích thước, diện tích vùng hoạt động:
 - b) Tọa độ các điểm xác định vùng hoạt động (theo Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000):.....
 - c) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác
 - (4)..... kính đề nghị(3)xem xét, chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn tại.....(2)
- Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (5)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)**Ghi chú:**

- (1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).
- (2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).
- (3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.
- (4) Tên cơ quan, tổ chức.
- (5) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức.

Mẫu Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ.....;
Xét Đơn đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn của(1)..... và các hồ sơ liên quan;
Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn của.....(1)....., với các nội dung:
1. Thông tin chi tiết vùng hoạt động tàu lặn:
 - a) Quy mô, kích thước, diện tích:
 - b) Vị trí tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động của tàu lặn(2).....
 2. Thời gian sử dụng vùng nước:
 3. Các yêu cầu về biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.
 4. Chủ khai thác:
 - Địa chỉ trụ sở:
 - Số điện thoại:
 5. Mục đích sử dụng:

- Điều 2.**(1).....trong quá trình khai thác vùng hoạt động tàu lặn có trách nhiệm:
1. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm..... của Chính phủ quy định về.....
 2. Không được phép hoạt động trái mục đích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
 3.

Điều 3. Các(3).....và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan (quốc phòng, công an, hàng hải và đường thủy...);
- Tổ chức đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (01 bản);
-
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

11) Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động (mã TTHC: 1.013467)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp 01 bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

- Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động theo mẫu;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm tàu lặn;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Quyết định về việc giao khu vực biển;

- Bản chính Phương án bố trí người khai thác tàu lặn;

- Bản chính Phương án đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và tìm kiếm cứu nạn trong quá trình khai thác hoạt động tàu lặn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động;
- Quyết định phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

Mẫu Đơn đề nghị phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động:**TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động**

Kính gửi:

1. Thông tin về tổ chức khai thác tàu lặn
 - a) Tên tổ chức khai thác tàu lặn:.....
 - b) Địa chỉ:.....
 - c) Số điện thoại liên hệ:
 - d) Người đại diện theo pháp luật:.....
 - đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấpngày.....tháng.....năm
 2. Thông tin về tàu lặn
 - a) Tên tàu lặn:
 - b) Vùng khai thác
 - c) Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn sốdo (Tên cơ quan cấp) cấp ngày thángnăm
 - d) Quyết định giao khu vực biển sốdo (Tên cơ quan cấp) cấp ngày thángnăm
 3. Hồ sơ phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động
 - a) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm tàu lặn;
 - b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Quyết định về việc giao khu vực biển;
 - c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Phương án bố trí người khai thác tàu lặn;
 - d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Phương án đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và tìm kiếm cứu nạn trong quá trình khai thác hoạt động tàu lặn.
- Kính đề nghịxem xét, phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động.

ĐẠI DIỆN**TỔ CHỨC KHAI THÁC TÀU LẶN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu Quyết định Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động:**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

Căn cứ

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Tổ chức khai thác tàu lặn sau đây được phép tiến hành hoạt động khai thác tàu lặn:

1. Tên tổ chức khai thác tàu lặn:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại liên hệ:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Thông số kỹ thuật tàu lặn:
6. Vùng khai thác:

Điều 2. Tổ chức khai thác tàu lặn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trong phương án đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc như sau:**Điều 3.** Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực cảng biển**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng..., tổ chức khai thác tàu lặn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan;
- Tổ chức đề nghị (01 bản);
-
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**CÓ THẨM QUYỀN CẤP***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

12) Chấm dứt hoạt động tàu lặn (mã TTHC: 1.013468)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức khai thác hoạt động tàu lặn gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Xây dựng 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động tàu lặn.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Sở Xây dựng ra quyết định chấm dứt hoạt động tàu lặn theo mẫu.

2. Cách thức thực hiện:

Gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị chấm dứt hoạt động tàu lặn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định chấm dứt hoạt động tàu lặn.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động tàu lặn;

- Quyết định chấm dứt hoạt động tàu lặn.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động tàu lặn:**TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Chấm dứt hoạt động tàu lặn**

Kính gửi:

Tên tổ chức đề nghị:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: Sốdo..... cấp ngày.... tháng.... năm.... tại

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị ... xem xét, tiến hành chấm dứt hoạt động tàu lặn với các thông tin dưới đây:

1. Tên tàu lặn:

2. Vùng khai thác hoạt động tàu lặn:

3. Lý do:

4. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):

Kính đề nghị ... xem xét, giải quyết.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu Quyết định Chấm dứt hoạt động tàu lặn:**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

**QUYẾT ĐỊNH
Chấm dứt hoạt động tàu lặn****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

Căn cứ;

Căn cứ.....;

Xét đơn đề nghị của

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Chấm dứt hoạt động tàu lặn**Điều 2.**

1. Tổ chức khai thác tàu lặncó trách nhiệm

2.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số.....**Điều 4.** Trưởng phòng, tổ chức khai thác tàu lặn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan;
- Tổ chức đề nghị (01 bản);

-

.....;

- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

13) Giao tuyến dẫn tàu (mã TTHC: 1.002490)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Công ty hoa tiêu gửi hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn công ty hoa tiêu hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp nhận trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản gửi công ty hoa tiêu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xem xét thẩm định hồ sơ và xin ý kiến chấp thuận của Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Bộ Xây dựng có văn bản trả lời; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản trả lời cho công ty hoa tiêu;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam quyết định giao tuyến dẫn tàu cho công ty hoa tiêu.

2. Cách thức thực hiện:

Gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị ;
 - Danh sách hoa tiêu;
 - Bản kê khai phương tiện đưa, đón hoa tiêu kèm theo bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện đó.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định Giao tuyến dẫn tàu.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Đơn đề nghị Giao tuyến dẫn tàu.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;

- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị Giao tuyến dẫn tàu:**TÊN CÔNG TY****Số:**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải*****Kính gửi: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.***

Tên công ty:

Người đại diện theo pháp luật:

Mã số đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ: Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải dưới đây cho công ty:

1. Tuyến dẫn tàu thuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.....

2. Tuyến dẫn tàu thuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.....

.....

Văn bản kèm theo:

1. Danh sách hoa tiêu các hạng (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận khả năng hoa tiêu hàng hải và bản sao Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải của từng hoa tiêu).

2. Bản kê khai phương tiện đưa, đón hoa tiêu (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện đó).

Kính đề nghị Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**

14) Cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải (mã TTHC: 1.001223)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp nhận trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị nhập khẩu pháo hiệu hàng hải, trong đó ghi rõ chủng loại, số lượng, nước sản xuất, quy cách sản phẩm, đặc điểm và công dụng, ký mã hiệu, thời hạn sử dụng của từng loại; thời hạn nhập khẩu;

- Bản dịch có chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước sản xuất xác nhận việc pháo hiệu hàng hải đã được thử nghiệm phù hợp với các quy định của Tổ chức Hàng hải quốc tế;

- Báo cáo của tổ chức, cá nhân về tình hình thực hiện Giấy phép nhập khẩu của năm trước đó và bản theo dõi Giấy phép nhập khẩu của Chi cục Hải quan cửa khẩu (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;
- Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải:

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / / GP-

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP
Nhập khẩu pháo hiệu hàng hải

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

Căn cứ Nghị định số;

Căn cứ công văn số của

Cho phép: (ghi tên, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư), ngày cấp, cơ quan cấp; địa chỉ, điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu) nhập khẩu pháo hiệu hàng hải với chủng loại, số lượng như sau:

1.
2.
3.

(Ghi rõ chủng loại, số lượng, ký mã hiệu, nước sản xuất của từng loại pháo hiệu).

Tổ chức cá nhân được phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa, chất lượng hàng hóa và sử dụng đúng mục đích cho phép.

Giấy phép có giá trị đến ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

15) Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 2.001998)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu, gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: Cơ sở đào tạo nộp 01 bộ hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại Giấy chứng nhận cho cơ sở đào tạo.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản kiểm tra. Sau khi kết thúc kiểm tra, nếu đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đào tạo; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo:

+ 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử tờ khai của cơ sở đào tạo đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu;

+ 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc văn bằng, chứng chỉ của giáo viên và hợp đồng của giáo viên (hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thỉnh giảng hoặc hình thức hợp đồng phù hợp khác theo quy định của pháp luật);

+ 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các

giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm phương tiện còn hiệu lực phù hợp với loại, hạng và thời gian đào tạo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do bị mất, hỏng;

- Tờ khai đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

a) Điều kiện về phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra

Hệ thống phòng học chuyên môn và phòng thi, kiểm tra phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, bao gồm: Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa, phòng học lý thuyết máy - điện và phòng học thủy nghiệp cơ bản. Phòng thi, kiểm tra có thể được bố trí chung với các phòng học chuyên môn.

b) Xưởng thực hành

Các xưởng thực hành phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy

thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, bao gồm: Xưởng thực hành nguội - cơ khí, thực hành máy - điện.

c) Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

- Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

- Phương tiện thực hành phải có giấy tờ hợp pháp về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị phục vụ hành trình, cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng và phải treo biển "Phương tiện huấn luyện" ở vị trí dễ quan sát trong khi huấn luyện.”.

d) Nội dung, chương trình đào tạo

Nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

đ) Đội ngũ giáo viên

- Tiêu chuẩn của đội ngũ giáo viên được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Đối với giáo viên dạy thực hành, ngoài tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn được phân công giảng dạy;

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

- Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

- Thông tư số 01/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 64/2024/TT-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do bị mất, hỏng:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền cấp)

1. Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa):
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Số định danh của cơ quan, tổ chức (nếu có):
4. Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa số ngày do (Cơ quan có thẩm quyền cấp).

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Lý do đề nghị cấp lại:

..... (Cơ sở đào tạo) cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Mẫu Tờ khai đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN,
NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa):
 - Số định danh của cơ quan, tổ chức (nếu có):
 - Tên giao dịch quốc tế (nếu có)
2. Người đại diện pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Ngày, tháng, năm sinh:
 - Căn cước công dân/Thẻ căn cước số:
3. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ phân hiệu/địa điểm đào tạo, huấn luyện khác (nếu có):
4. Điện thoại: Email:
5. Cơ quan chủ quản (nếu có):
6. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo số..... ngày...../...../..... Cơ quan cấp.....

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

1. Danh mục chương trình dự kiến đào tạo:

STT	Tên chương trình đào tạo	Giáo trình tài liệu giảng dạy	Ghi chú

2. Cơ sở vật chất:

- Tổng số phòng học:
 - Tổng số phòng thi, kiểm tra:
 - Xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy:
 - Trang thiết bị tối thiểu của từng loại phòng cụ thể:
- *(Tên phòng/Xưởng, khu vực thực hành)*

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách	Ghi chú

3. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....
 - Số lượng giáo viên dạy thực hành:.....
 Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo		Hình thức tuyển dụng		Loại, hạng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn/thời gian đảm nhiệm chức danh	Ghi chú
			Chuyên môn	Sư phạm	Cơ hữu	Thỉnh giảng		

Đề nghị:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa:

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN CẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/20...../GCN

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO
TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

1. Tên cơ sở:
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại:..... Fax:..... Email:
5. (Tên cơ sở) là cơ sở đào tạo loại

Được phép:

Đào tạo, bồi dưỡng

Giấy chứng nhận cấp lại lần..... và thay thế Giấy chứng nhận số ngày tháng năm do cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp lại do bị mất, hỏng).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

16) Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 2.002001)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ sở đào tạo có nhu cầu đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản theo mẫu quy định. Sau khi kết thúc kiểm tra, nếu đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đào tạo; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử tờ khai của cơ sở đào tạo đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu;

- 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc văn bằng, chứng chỉ của giáo viên và hợp đồng của giáo viên (hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thỉnh giảng hoặc hình thức hợp đồng phù hợp khác theo quy định của pháp luật);

- 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm phương tiện còn hiệu lực phù hợp với loại, hạng và thời gian đào tạo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

a) Điều kiện về phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra

Hệ thống phòng học chuyên môn và phòng thi, kiểm tra phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, bao gồm: Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa, phòng học lý thuyết máy - điện và phòng học thủy nghiệp cơ bản. Phòng thi, kiểm tra có thể được bố trí chung với các phòng học chuyên môn.

b) Xưởng thực hành

Các xưởng thực hành phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, bao gồm: Xưởng thực hành ngòi - cơ khí, thực hành máy - điện.

c) Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

- Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

- Phương tiện thực hành phải có giấy tờ hợp pháp về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị phục vụ hành trình, cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng và phải treo biển "Phương tiện huấn luyện" ở vị trí dễ quan sát trong khi huấn luyện.”.

d) Nội dung, chương trình đào tạo

Nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

đ) Đội ngũ giáo viên

- Tiêu chuẩn của đội ngũ giáo viên được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Đối với giáo viên dạy thực hành, ngoài tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn được phân công giảng dạy;

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

- Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

- Thông tư số 01/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 64/2024/TT-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Tờ khai đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN,
NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa):
 - Số định danh của cơ quan, tổ chức (nếu có):
 - Tên giao dịch quốc tế (nếu có)
2. Người đại diện pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Ngày, tháng, năm sinh:
 - Căn cước công dân/Thẻ căn cước số:
3. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ phân hiệu/địa điểm đào tạo, huấn luyện khác (nếu có):
4. Điện thoại: Email:
5. Cơ quan chủ quản (nếu có):
6. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo số..... ngày...../...../..... Cơ quan cấp.....

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

1. Danh mục chương trình dự kiến đào tạo:

STT	Tên chương trình đào tạo	Giáo trình tài liệu giảng dạy	Ghi chú

2. Cơ sở vật chất:

- Tổng số phòng học:
- Tổng số phòng thi, kiểm tra:
- Xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy:
- Trang thiết bị tối thiểu của từng loại phòng cụ thể:

**(Tên phòng/Xưởng, khu vực thực hành)*

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách	Ghi chú

3. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....
 - Số lượng giáo viên dạy thực hành:.....
- Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo		Hình thức tuyển dụng		Loại, hạng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn/thời gian đảm nhiệm chức danh	Ghi chú
			Chuyên môn	Sur phạm	Cơ hữu	Thỉnh giảng		

Đề nghị:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa:

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN CẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/20...../GCN

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO
TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

1. Tên cơ sở:
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại:..... Fax:..... Email:
5. (Tên cơ sở) là cơ sở đào tạo loại

Được phép:

Đào tạo, bồi dưỡng

Giấy chứng nhận cấp lại lần..... và thay thế Giấy chứng nhận số ngày tháng năm do cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp lại do bị mất, hỏng).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

17) Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (mã TTHC: 1.000274)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký tàu biển nơi tàu biển đã được đăng ký trước đây hoặc cơ quan đăng ký tàu biển mới trong trường hợp thay đổi cơ quan đăng ký.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu;

+ Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính nếu hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, gửi cho tổ chức cá nhân nộp hồ sơ;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận mới cho tổ chức, cá nhân; đồng thời thực hiện thu hồi, hủy bản chính giấy chứng nhận đăng ký cũ trên hệ thống. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký tàu biển trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đề nghị đăng ký nội dung thay đổi theo mẫu;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển, giấy chứng nhận dung tích tàu biển (trường hợp thay đổi thông số kỹ thuật, công dụng của tàu, tổ chức đăng kiểm tàu biển);

- Trường hợp tàu biển đang được thế chấp thì phải nộp thêm bản chính văn bản đồng ý của bên nhận thế chấp.

- Bản chính giấy chứng nhận xóa đăng ký trong trường hợp chuyển cơ quan đăng ký.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 5% của mức thu đăng ký không thời hạn

- Mức thu đăng ký không thời hạn:

+ Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT-lần.

- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển theo quy định của Bộ Tài chính, nộp trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trước khi nhận kết quả; gửi trả cho cơ quan đăng ký tàu biển bản chính giấy chứng nhận đăng ký cũ hoặc bản chính giấy chứng nhận xóa đăng ký trong trường hợp chuyển cơ quan đăng ký ngay sau khi nhận được kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đăng ký thay đổi;

- Giấy chứng nhận đăng ký.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

Tàu biển đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam nhưng có sự thay đổi về tên tàu, tên chủ tàu, địa chỉ chủ tàu, thông số kỹ thuật, công dụng của tàu, cơ quan đăng ký tàu biển, tổ chức đăng kiểm tàu biển thì chậm nhất sau

30 ngày, chủ tàu phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển mới tương ứng với hình thức đăng ký đã cấp trước đây.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-Cp ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký thay đổi:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----	
TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI APPLICATION FOR CHANGING REGISTRATION	
Kính gửi:(1)..... To:(1).....	
Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số và thay đổi dưới đây: <i>Kindly register change of the ship with the following particulars:</i>	
Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>
Tên tàu cũ (nếu có)..... <i>Former Name</i>	
Nội dung thay đổi: <i>Change in</i>	
Lý do thay đổi: <i>Reasons to change</i>	
Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu): <i>Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)</i>	
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (trường hợp chủ tàu là tổ chức): <i>Business code</i>	
Mã ĐDCN/số CCCD/Số thẻ căn cước/Số Hộ chiếu (trường hợp chủ tàu là cá nhân):..... <i>Identification/Passpor</i>	
Ngày sinh (trường hợp chủ tàu là cá nhân):..... <i>Date of birth</i>	
Đề nghị nhận kết quả: <i>Please receive the results</i> ☐ Trực tiếp <i>Directly</i> ☐ Qua hệ thống bưu chính (Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận)..... <i>The postal system (Address)</i> ☐ Khác (nêu rõ)..... <i>Other</i>	, ngày ... tháng ... năm..... Date CHỦ SỞ HỮU Owner (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) (sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note)

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility registration/registry

(ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

(5) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là cá nhân người nước ngoài

Foreign Passport (for foreign individual shipowners)

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***Independence - Freedom - Happiness***GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CERTIFICATE OF REGISTRY**QR
code

.....⁽¹⁾ Chứng nhận⁽²⁾..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

.....*Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:*

Tên ⁽³⁾	Trọng tải toàn phần:
<i>Name</i>	<i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO:	Tổng dung tích:
<i>Call sign/IMO number</i>	<i>Gross tonnage</i>
Loại tàu: ⁽⁴⁾	Dung tích thực dụng:
<i>Type of ship</i>	<i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất:	Năm đóng:
<i>Length over all</i>	<i>Year of building</i>
Chiều rộng:	Nơi đóng:
<i>Breadth</i>	<i>Place of building</i>
Mớn nước:	Nơi đăng ký:
<i>Draft</i>	<i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính:	Tổ chức đăng kiểm:
<i>M.E. power</i>	<i>Classification Agency</i>
Tên tàu cũ (nếu có).....	
<i>Former Name</i>	

**NỘI DUNG ĐĂNG KÝ
CONTENT OF REGISTRATION**

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*) (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày .../ .../ ...
is sailing under Vietnamese flag from

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):
... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký:	Cấp tại, ngày ... tháng ... năm ...
<i>Number of registration</i>	<i>Issued at, on</i>
Ngày đăng ký:	Họ và Tên, chữ ký người có thẩm quyền
<i>Date of registration</i>	<i>Full name, signature of duly authorized official</i>

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office
(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dân khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi
Type of transport facility registration/registry
(ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển) Type of ship (in case of ship registration/registry)

Lưu ý: Giấy chứng nhận đăng ký được cấp từ 01/01/2027 phải có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin và kết nối với hệ thống thông tin đăng ký tàu biển.

18) Cấp Giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam (mã TTHC: 1.002656)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam cho tàu biển (hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) đến một trong các Cơ quan đại diện của Việt Nam nơi mua tàu hoặc nơi bàn giao tàu.

* Các trường hợp áp dụng Giấy phép và hiệu lực của Giấy phép:

- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân Việt Nam mua tàu biển của tổ chức, cá nhân nước ngoài, do Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là Cơ quan đại diện của Việt Nam) cấp 01 bản chính theo mẫu;

- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam chỉ có hiệu lực cho 01 hành trình cụ thể của tàu biển đó và chỉ có giá trị sử dụng từ khi được cấp cho đến khi tàu biển về đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đại diện của Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đại diện của Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đại diện của Việt Nam cấp Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp tàu biển đã qua sử dụng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với trường hợp nhận tàu đóng mới ở nước ngoài để đưa tàu về Việt Nam (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản sao có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển hiện có (bản sao có chứng thực);

- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có (bản sao có chứng thực);

- Trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

* Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện của Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đại diện của Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam.

8. Phí, lệ phí: Không có

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển;

- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng khi đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;

- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;

- Các trường hợp đặc biệt như sau:

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định, cụ thể như sau: không quá 17 năm đối với tàu container có sức chở 1500 TEUs trở lên; không quá 20 năm đối với các loại tàu: chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi; không quá 25 năm đối với tàu nghiên cứu khoa học, tàu huấn luyện, tàu tìm kiếm cứu nạn được tặng cho, hiến, biếu, đóng góp, viện trợ, tài trợ cho Nhà nước Việt Nam.

Trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền. Các Giấy chứng nhận của tàu biển nước ngoài khi làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần.

d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Tờ khai đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----	
TỜ KHAI ĐĂNG KÝ APPLICATION FOR REGISTRATION	
Kính gửi:(1)..... To:(1).....	
Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây: <i>Kindly register the ship with the following particulars:</i>	
Tên(3).....	Trọng tải toàn phần:
<i>Name</i>	<i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO:	Tổng dung tích:
<i>Call sign/IMO number</i>	<i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4).....	Dung tích thực dụng:
<i>Type of ship</i>	<i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất:	Năm đóng:
<i>Length over all</i>	<i>Year of building</i>
Chiều rộng:	Nơi đóng:
<i>Breadth</i>	<i>Place of building</i>
Mớn nước:	Nơi đăng ký:
<i>Draft</i>	<i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính:	Tổ chức đăng kiểm:
<i>M.E. power</i>	<i>Classification Agency</i>
	Ngày bàn giao:.....
	<i>Date of delivery</i>
Tên tàu cũ (nếu có)..... <i>Former Name</i>	
- Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam <i>Registration for flying Vietnamese flag</i>	
Nội dung đăng ký:	
- Đăng ký quyền sở hữu <i>Registration for ownership</i>	
Hình thức đăng ký: <i>Kind of registration</i>	
Lý do (5):..... <i>Reasons</i>	
Dự kiến cảng tới đầu tiên tại Việt Nam....., thời gian.....(6)..... <i>First expected port of call in Vietnam, dd/mm/yyyy</i>	
Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu): <i>Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)</i>	
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (trường hợp chủ tàu là tổ chức): <i>Business code</i>	

Mã ĐDCN/ số CCCD/ Số thẻ căn cước/ Số Hộ chiếu (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Identification/Passport

Ngày sinh (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Date of birth

Đề nghị nhận kết quả:

Please receive the results

☐ Trực tiếp

Directly

☐ Qua hệ thống bưu chính (*Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận*).....

The postal system (Address)

☐ Khác (nêu rõ).....

Other

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note)

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility

registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating

production storage and offloading; mobile

offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship

registration/registry)

(5) Trong trường hợp đăng ký tạm thời

In case of provisional registration

(6) Trong trường hợp cấp giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam

In case of provisional permission of flying vietnamese flag

(7) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là cá nhân người nước ngoài

Foreign Passport (for foreign individual shipowners)

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

Mẫu Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP TẠM THỜI MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM **PROVISIONAL PERMISSION OF FLYING VIETNAMESE FLAG**

.....(1)....Chúng nhận(2)... có các thông số dưới đây được phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam:

..... Hereby certify that the ship with the following particulars has been provisionalpermitted of flying Vietnamese flag:

Tên(3).....	Trọng tải toàn phần:
Name	Dead weight
Hồ hiệu/Số IMO:	Tổng dung tích:
Call sign/IMO number	Gross tonnage
Loại tàu:(4).....	Dung tích thực dụng:.....
Type of ship	Net tonnage
Chiều dài lớn nhất:	Năm đóng:
Length over all	Year of building
Chiều rộng:	Nơi đóng:
Breadth	Place of building
Mớn nước:	Nơi đăng ký:
Draft	Place of registry
Tổng công suất máy chính:	Tổ chức đăng kiểm:
M.E. power	Classification Agency

NỘI DUNG CẤP PHÉP **PERMISSION OF**

TẠM THỜI MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Provisional permission of flying Vietnamese flag

.....(2) & (3) được phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam kể từ ngày cấp đến khi tàu về đến cảng biển Việt Nam đầu tiên.

..... is permitted of sailing under Vietnamese flag from the date of issuance to the date of her arrival at the first Vietnamese sea port.

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, ratio of ownership).

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm

Number of registration
on

Issued at,

Ngày đăng ký:
Date of registration
official

Tên, chữ ký người có thẩm quyền
Full name, signature of duly authorized

Ghi chú (Note):

(1) **Tên cơ quan đăng ký**
The ship Registration office

(2) **Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động**
Type of transport facility registration/registry (ship, publicservice ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) **Tên phương tiện**
Name of transport facility

(4) **Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)**
Type of ship (in case of ship registration/registry)

19) Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm (mã TTHC: 1.002771)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm.

- Cơ quan có thẩm quyền bao gồm:

+ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm là di sản văn hóa, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Xây dựng;

+ Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm liên quan đến quốc phòng và tài sản chìm đắm trong khu vực quân sự;

+ Bộ Công an chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm liên quan đến an ninh quốc gia;

+ Bộ Xây dựng chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm, quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm như sau:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trực vớt. Trước khi phê duyệt phương án trực vớt, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam phải báo cáo và nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Xây dựng;

- Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm xác định được chủ sở hữu trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia, trong vùng nước cảng biển hoặc vùng biển Việt Nam do chủ sở hữu tài sản chìm đắm tổ chức trực vớt.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ và phân cấp cho các cơ quan sau đây thực hiện:

- Sở Xây dựng phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu hoặc thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Xây dựng tổ chức trực vớt;

- Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Xây dựng phê duyệt đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm đã xác định được chủ sở hữu tài sản chìm đắm.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nhận được không hợp lệ thì chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải có văn bản phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm và gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến tổ chức, cá nhân; trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

- Đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm, cơ quan có thẩm quyền phải tổ chức phê duyệt phương án trục vớt trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ; đối với trường hợp tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trục vớt thì thời hạn này không quá 48 giờ.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm theo mẫu;
- Phương án trục vớt tài sản chìm đắm, gồm các nội dung cơ bản sau:
 - + Tên, số lượng, loại tài sản chìm đắm;
 - + Số lượng, loại hàng chở trên tàu (nếu là tàu thuyền);
 - + Khối lượng nhiên liệu trên tàu (nếu là tàu thuyền);
 - + Căn cứ tổ chức việc trục vớt;
 - + Kết quả thực hiện phương án thăm dò tài sản chìm đắm (nếu có);
 - + Địa điểm tài sản bị chìm đắm;
 - + Dự kiến thời gian bắt đầu và thời hạn trục vớt;
 - + Phương tiện tham gia và biện pháp trục vớt;
 - + Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình trục vớt;
 - + Biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong quá trình trục vớt;
 - + Biện pháp bảo quản tài sản bị chìm đắm sau khi được trục vớt;
 - + Bàn giao tài sản được trục vớt;
 - + Biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm;
 - + Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường;
 - + Biện pháp phòng, chống cháy, nổ;
 - + Dự toán chi phí trục vớt;
 - + Đơn vị thực hiện trục vớt.

Đối với phương án trục vớt do chủ sở hữu tài sản lập và thực hiện trục vớt thì phương án không bao gồm nội dung dự toán chi phí trục vớt.

- Các tài liệu, giấy tờ cần thiết khác có liên quan (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm không gây nguy hiểm.

- Không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm.

- Không quá 48 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trục vớt.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trục vớt tài sản chìm đắm liên quan đến an ninh quốc gia; Bộ Xây dựng (Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Sở Xây dựng, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Xây dựng).

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trục vớt tài sản chìm đắm liên quan đến an ninh quốc gia; Bộ Xây dựng (Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Sở Xây dựng, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Xây dựng).

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Tờ khai phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành

chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

....., ngày... tháng... năm 20....

Kính gửi:.....¹
 Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu tài sản chìm đắm:
 Người đại diện theo pháp luật:
 Đăng ký kinh doanh ngày..... tháng.... năm.....
 Địa chỉ:
 Số điện thoại liên hệ:
 Đề nghị¹ xem xét, phê duyệt Phương án trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định tại Điều 13 Nghị định số..... về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam với các tài liệu dưới đây:

1. Tờ khai phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm.
2. Phương án trục vớt tài sản chìm đắm.
3. Ý kiến của Cảng vụ (nếu có).
4. Các tài liệu, giấy tờ cần thiết có liên quan khác (nếu có).

Kính đề nghị¹ xem xét, giải quyết./.

CHỦ TÀI SẢN CHÌM ĐẮM
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

1 Tên của Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án trực vớt tài sản chìm đắm.

20) Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (mã TTHC: 1.004850)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ sở đào tạo, huấn luyện gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản hướng dẫn cơ sở đào tạo, huấn luyện hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức kiểm tra thực tế và cấp Giấy chứng nhận; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai theo mẫu;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở đào tạo, huấn luyện;
- Bản gốc Báo cáo thuyết minh các điều kiện bảo đảm cho hoạt động đào tạo, huấn luyện theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.
- Báo cáo thuyết minh các điều kiện bảo đảm cho hoạt động đào tạo, huấn luyện theo mẫu.
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:
 - + Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Xây dựng ban hành.
 - + Có Giấy chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO do tổ chức chứng nhận có thẩm quyền cấp chậm nhất sau 18 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.
 - + Có cơ sở dữ liệu điện tử quản lý chứng chỉ nghiệp vụ của thuyền viên hàng hải để tra cứu theo quy định của Công ước STCW chậm nhất sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.
- Điều kiện về giảng viên và huấn luyện viên:
 - + Giảng viên dạy lý thuyết phải tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với môn học hoặc chuyên ngành được phân công giảng dạy.
 - + Giảng viên và huấn luyện viên dạy thực hành phải có Giấy chứng nhận Huấn luyện viên chính hoặc chứng chỉ tương đương do Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) hoặc đơn vị được IMO công nhận cấp theo quy định của Công ước STCW; đã đảm nhiệm chức danh trên tàu biển với mức trách nhiệm sỹ quan quản lý theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo, huấn luyện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
 - + Ngoài các điều kiện quy định trên các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải còn phải tuân theo các quy định có liên quan của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.
- Điều kiện về chương trình đào tạo, huấn luyện: Có đủ chương trình đào tạo, huấn luyện, tài liệu giảng dạy theo quy định

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải;
- Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/ND-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải:

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN
LUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số :.....

....., ngày tháng năm ...

TỜ KHAI

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO,
HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI**

Kính gửi: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

1. Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....
- Địa chỉ phân hiệu/địa điểm đào tạo, huấn luyện khác (nếu có):
3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập số:.....
- cấp ngàytháng..... năm
- Cơ quan cấp:
4. Họ và tên Hiệu trưởng/Giám đốc/Người đứng đầu.....
5. Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện được đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải:
- Hồ sơ kèm theo gồm:

.....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu Báo cáo thuyết minh các điều kiện bảo đảm hoạt động đào tạo, huấn luyện viên hàng hải:

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN
LUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO THUYẾT MINH CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

I. THỰC TRẠNG CHUNG

1. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo chung của cơ sở
 - a) Các công trình, phòng học, phòng thực hành, thực tập, các công trình phụ trợ..... sử dụng chung
 - b) Các trang thiết bị giảng dạy sử dụng chung
2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, huấn luyện viên
Tổng số cán bộ quản lý, giảng viên, huấn luyện viên:, trong đó:
 - Cán bộ quản lý:
 - Giảng viên, huấn luyện viên:, trong đó:
 - + Giảng viên dạy lý thuyết:
 - + Giảng viên, huấn luyện viên dạy thực hành:
 - + Kiêm chức
3. Nội dung khác (nếu có).

II. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN

1. Tại trụ sở chính
 - a) Chương trình/khóa đào tạo, huấn luyện..... (1)
 - Cơ sở vật chất:
 - + Số phòng học lý thuyết:
 - + Số phòng học thực hành:
 - + Số xưởng thực hành:
 - + Số phòng mô phỏng:
 - + Số tàu huấn luyện:
 - Trang thiết bị đào tạo, huấn luyện:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1				
2				
....				

- Giảng viên, huấn luyện viên
- Tổng số giảng viên, huấn luyện viên dạy chương trình/khóa đào tạo, huấn luyện:trong đó:
- + Giảng viên dạy lý thuyết
 - + Giảng viên, huấn luyện viên dạy thực hành
 - + Giảng viên, huấn luyện viên kiêm chức (nếu có):

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ sư phạm (2)	Thời gian đảm nhận chức danh (3)	Môn học/học phần dự kiến phân công giảng dạy
1					
2					
....					

Có hồ sơ minh chứng (bằng cấp, chứng chỉ.... của giảng viên, huấn luyện viên) kèm theo
 - Danh mục chương trình, giáo trình, tài liệu, ấn phẩm, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo, huấn luyện (liệt kê danh mục)

b) Chương trình/khóa đào tạo, huấn luyện (4)

(Trình bày như điểm a khoản 1 nêu trên)

2. Tại trụ sở phân hiệu/địa điểm đào tạo khác

(Trình bày như khoản 1 nêu trên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO,
HUẤN LUYỆN**

Nơi

- Như

nhận:

trên;

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

-.....;

- Lưu: VT,....

Ghi chú:

(1): Tên Chương trình/khóa đào tạo, huấn luyện thứ nhất

(2): Chứng nhận Huấn luyện viên chính hoặc tương đương

(3): Thời gian đảm nhận chức danh thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan quản lý, sỹ quan boong, sỹ quan máy...

(4): Tên Chương trình/khóa đào tạo, huấn luyện thứ hai, thứ ba....

Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải:

**CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM**
VIET NAM MARITIME AND WATERWAY
ADMINISTRATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số:/GCN-CHHVN
No:

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI
CERTIFICATE OF COMPLIANCE OF MARITIME TRAINING CENTER FOR SEAFARERS' TRAINING
Căn cứ Nghị định số
Pursuant to the Government's Decree No

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CHỨNG NHẬN:
VIET NAM MARITIME AND WATERWAY ADMINISTRATION CERTIFIES:

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện:

Name of Organization:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)

International Name (if available):

Số Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh:

Certificate of business registration number:

Ngày cấp:

Date of issue:

Nơi cấp:

Place of issue:

Địa chỉ trụ sở chính:

Head Office Address:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Tel.....; Fax:; Email:

Đủ điều kiện tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và cấp chứng chỉ huấn luyện theo danh sách đính kèm.

Is fully in compliance for maritime training and certificating seafarers with the courses specified in the list attached with this Certificate.

Giấy xác nhận này có giá trị từ ngày cấp

This Certificate is valid from the date of issue.

**CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM**
VIET NAM MARITIME AND WATERWAY
ADMINISTRATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

DANH MỤC
CÁC KHÓA ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI
LIST OF
MARITIME TRAINING COURSES

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải số: /GCN-CHHĐTVN ngày tháng năm của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)
(Issued with the Certificate No.:/GCN-CHHĐTVN dated by the Chairman of Vietnam Maritime and Waterway Administration)

1.
2.
3.

**CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT
NAM**
VIET NAM MARITIME AND WATERWAY
ADMINISTRATION
(Ký, đóng dấu)

21) Cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải (mã TTHC: 1.005115)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Chi cục Hàng hải và Đường thủy 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

- Giấy xác nhận được cấp lại trong các trường hợp Giấy xác nhận hết thời hạn sử dụng, bị mất, bị hư hỏng hoặc có thay đổi thông tin của tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Chi cục Hàng hải và Đường thủy cấp lại Giấy xác nhận và trả kết quả trên Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải; trường hợp không chấp thuận, Chi cục Hàng hải và Đường thủy phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Chi cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Chi cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận;

- Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải;

- Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 69/2022/ND-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận:**TÊN TỔ CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI**CẤP/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG
ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI**

Kính gửi: Chi Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

1. Tổ chức đề nghị:

Tên giao dịch:

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:

3. Người đại diện theo pháp luật:

Đề nghị Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cấp/cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải.

Lý do cấp lại (đối với trường hợp đề nghị cấp lại):

.....
.....

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo đúng quy định của pháp luật.

Hồ sơ kèm theo gồm:

1..... 4

2..... 5

3..... 6.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**Nơi nhận:**

- Như trên;

-.....;

- Lưu: VT,....

Mẫu Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải:

**CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG
THỦY VIỆT NAM**
VIET NAM MARITIME AND
WATERWAY ADMINISTRATION
**CHI CỤC HÀNG HẢI VÀ
ĐƯỜNG THỦY ...**
VIET NAM MARITIME AND
WATERWAY ADMINISTRATION -
BRANCH IN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số.....

No:



**GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG ỨNG THUYỀN
VIÊN HÀNG HẢI**
**CERTIFICATE OF ENDORSEMENT FOR SEAFARER RECRUITMENT AND PLACEMENT
SERVICE PROVIDERS**

Căn cứ Nghị định số

Pursuant to the Government's Decree No

Chi Cục Hàng hải và Đường thủyxác nhận:

Vietnam Maritime and waterway Administration - Branch in certified:

Tên tổ chức

Name of organization

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Number of Certificate of business registration:

Ngày cấp:, Nơi cấp:.....

Date of issue....., Place of issue:.....

Địa chỉ:.....

Address:.....

Điện thoại (Tel):Fax:.....Email:

phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định 1.4 của Công ước Lao động hàng hải năm 2006.

endorsement for seafarer recruitment and placement service providers according to the regulation 1.4 of Maritime Labour Convention 2006.

Giấy xác nhận này có giá trị từ ngàyđến ngày

This Certificate is valid from to

CHI CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY ...
VIET NAM MARITIME AND WATERWAY ADMINISTRATION -
BRANCH IN

.....
(Ký, đóng dấu)

22) Chấp thuận hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam (mã TTHC: 3.000188)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi tiến hành hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến Bộ Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Xây dựng có văn bản chấp thuận và gửi cho người đề nghị thông qua dịch vụ bưu chính hoặc chủ đầu tư đến nhận trực tiếp tại Bộ Xây dựng; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp;
- Hoặc qua hệ thống bưu chính;
- Hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị tiến hành hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam;
- Bản sao văn bản, tài liệu, giấy tờ chứng minh sự cần thiết tiến hành hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam;
- Bản sao ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng;
- b) Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam;
- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Thủ tướng chính phủ quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

23) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (mã TTHC: 1.000940)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra phù hợp của hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chủ cơ sở phá dỡ tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trong quá trình xử lý hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tiến hành các hoạt động: khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về cơ sở vật chất của cơ sở phá dỡ tàu biển.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ quan Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (bản chính hoặc biểu mẫu điện tử);

- Giấy phép môi trường của chủ cơ sở phá dỡ tàu biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

- Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

- Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
 b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động;
- Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động:**TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ**Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động**

Kính gửi:

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển
 - a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
 - b) Địa chỉ:
 - c) Số điện thoại liên hệ:
 - d) Người đại diện theo pháp luật:
 - đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày ... tháng ... năm
 2. Thông tin năng lực phá dỡ tàu biển
 - a) Loại tàu biển có khả năng phá dỡ:
 - b) Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển vào cơ sở phá dỡ:
 3. Hồ sơ về cơ sở phá dỡ tàu biển
 - a) Giấy phép môi trường của chủ cơ sở phá dỡ tàu biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);
 - b) Quy trình kiểm sát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);
 - c) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về PC&CC của cơ quan CS PC&CC (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).
- Đề nghị xem xét, quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Mẫu Quyết định Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động:

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

Căn cứ Nghị định số

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cơ sở phá dỡ tàu biển sau đây được phép tiếp nhận tàu biển để phá dỡ:

1. Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại liên hệ:
3. Người đại diện theo pháp luật:
4. Loại tàu biển phá dỡ:
5. Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển phá dỡ:

Điều 2. Cơ sở phá dỡ tàu biển căn cứ Quyết định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện hoạt động phá dỡ đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan căn cứ Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Điều 5. Tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan (01 bản);
- Cơ sở phá dỡ tàu biển Đề nghị (01 bản);
-
- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CẤP**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

24) Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (mã TTHC: 1.007949)

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động khi thay đổi nội dung ghi trong Quyết định đã được cấp.

- Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết hồ sơ TTHC:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra phù hợp của hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chủ cơ sở phá dỡ tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trong quá trình xử lý hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tiến hành các hoạt động: khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về cơ sở vật chất của cơ sở phá dỡ tàu biển.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (bản chính hoặc biểu mẫu điện tử);

- Văn bản liên quan đến nội dung thay đổi (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.
- Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động:

TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động

Kính gửi:

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển
 - a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
 - b) Địa chỉ:
 - c) Số điện thoại liên hệ:
 - d) Người đại diện theo pháp luật:
 - đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm
 - e) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm
 2. Lý do đề nghị quyết định lại

.....

.....
 3. Văn bản kèm theo
 - a) Văn bản liên quan đến nội dung thay đổi (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

.....

.....
- Đề nghị ... thẩm định hồ sơ, trình ... (cơ quan có thẩm quyền)... cấp lại quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Mẫu Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động:**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động****CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP**Căn cứ Nghị định số
Theo đề nghị của.....,**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cơ sở phá dỡ tàu biển sau đây được phép tiếp nhận tàu biển để phá dỡ:

1. Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại liên hệ:
3. Người đại diện theo pháp luật:
4. Loại tàu biển phá dỡ:
5. Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển phá dỡ:

Điều 2. Cơ sở phá dỡ tàu biển căn cứ Quyết định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện hoạt động phá dỡ đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.**Điều 3.** Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan căn cứ Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao.**Điều 4.** Hiệu lực thi hành**Điều 5.** Tổ chức thực hiện./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan (01 bản);
- Cơ sở phá dỡ tàu biển Đề nghị (01 bản);
-;
- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

25) Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển (mã TTHC: 1.000892)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ đối với từng tàu biển đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan liên quan về phương án phá dỡ tàu biển.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan phải có ý kiến trả lời bằng văn bản;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển và gửi cho cơ sở phá dỡ tàu biển; trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo Mẫu (01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử);

- Phương án phá dỡ tàu biển (01 bản sao hoặc bản sao điện tử).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở phá dỡ tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở phá dỡ tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển;

- Quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;
- Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển:

TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển

Kính gửi:

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển
 - a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
 - b) Địa chỉ:
 - c) Số điện thoại liên hệ:
 - d) Người đại diện theo pháp luật:
 - đ) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động số
 - do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm
 2. Thông tin về tàu biển phá dỡ
 - a) Tên tàu:
 - b) Số IMO:
 - c) Loại tàu:
 - d) Trọng tải toàn phần (DWT):
 - đ) Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ số
 - do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm
 3. Văn bản kèm theo
 - a) 01 bản chính phương án phá dỡ tàu biển;

- Kính đề nghị xem xét, phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN
 (Ký, ghi rõ, họ tên, đóng dấu)

Mẫu Quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

**QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...***Căn cứ Nghị định số*;*Căn cứ*;*Xét nội dung phương án phá dỡ tàu biển gửi kèm văn bản đề nghị số
.....ngày.....tháng.....năm 20..... của (Tên cơ sở phá dỡ tàu biển);**Theo đề nghị*;**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển của tàu biển có thông số chính như sau:

1. Tên tàu:
2. Số IMO:
3. Loại tàu:
4. Trọng tải toàn phần (DWT):

Điều 2. Tàu biển nêu trên được phép vào (Tên cơ sở phá dỡ tàu biển) để thực hiện phá dỡ. Cơ sở phá dỡ tàu biển có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện phá dỡ theo đúng phương án phá dỡ tàu biển được phê duyệt.

2. Đóng các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực cảng biển**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 5.** Tổ chức thực hiện....**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan (hải quan, hàng hải và đường thủy...);
- Cơ sở phá dỡ tàu biển đề nghị (01 bản);
-
- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

26) Cấp giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (mã TTHC: 2.000378)

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị Cấp giấy phép nhập khẩu đã qua sử dụng để phá dỡ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết hồ sơ

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ; trường hợp không chấp thuận cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ theo Mẫu (01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử)

- Quyết định của doanh nghiệp về việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

- Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;

- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ:

**TÊN DOANH NGHIỆP
NHẬP KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ
QUA SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ**

Kính gửi: ...

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

3. Địa chỉ kinh doanh:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ tên: Chức danh:

- Số CMND/Hộ chiếu: Ngày, nơi cấp:

- Quốc tịch:

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm

6. Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển thuộc sở hữu hoặc quản lý, khai thác của doanh nghiệp vào hoạt động số ngày tháng năm

Đề nghị thẩm định hồ sơ, trình ... cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ đối với:

a) Tên tàu:

b) Số IMO:

c) Loại tàu:

d) Trọng tải toàn phần (DWT):

đ) Ngày tàu đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam:

(Tên doanh nghiệp) cam kết thực hiện nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo đúng Giấy phép nhập khẩu và các quy định của pháp luật./.

Văn bản kèm theo:

- ;

-

....., ngày ... tháng năm

.....
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm ...

**GIẤY PHÉP
NHẬP KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ**
Số: /năm.../GPNKTB

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;

Căn cứ;

Theo đề nghị của

...(Cơ quan có thẩm quyền)... cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

a) Tên doanh nghiệp:

b) Địa chỉ trụ sở chính:

c) Địa chỉ kinh doanh:

d) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do ...(Tên cơ quan cấp)... cấp ngày.....tháng.....năm

đ) Người đại diện theo pháp luật:

2. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

a) Tên cơ sở phá dỡ:

b) Địa chỉ cơ sở phá dỡ:

3. Thông tin về Giấy phép

a) Tàu biển đã qua sử dụng được phép nhập khẩu để phá dỡ:

Tên tàu: Số IMO:

Loại tàu: Trọng tải toàn phần (DWT):

b) Thời hạn hiệu lực: Từ ngày đến ngày

c) Nơi cấp: Ngày cấp:/.

Nơi nhận:

- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan (hải quan, hàng hải và đường thủy...);

- Doanh nghiệp Đề nghị (01 bản);

-

- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

27) Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ (mã TTHC: 2.002625)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét gửi hồ sơ đề nghị tiếp nhận chất nạo vét trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về khu vực, địa điểm đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập danh mục, công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, bao gồm các khu vực, địa điểm do tổ chức, cá nhân đề xuất và khu vực, địa điểm thuộc đất do nhà nước quản lý đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét. Việc công bố này phải được ban hành thành Quyết định và niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo mẫu quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị tiếp nhận chất nạo vét theo mẫu;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép sử dụng khu đất của cơ quan có thẩm quyền.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản trả lời.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Văn bản đề nghị tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 26 Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa:

....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị tiếp nhận chất nạo
vét từ hoạt động nạo vét trong
vùng nước cảng biển, vùng
nước đường thủy nội địa

.....(2)...., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(3)...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày tháng ... năm ... của Chính phủ quy định
về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội
địa;

...(1)... đề nghị được tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng
biển, vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh/thành phố (3)... với các
thông tin chi tiết như sau:

1. Khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận:
 2. Địa chỉ:
 3. Tọa độ các điểm góc ranh giới khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận: sử dụng hệ tọa
độ quốc gia VN-2000
 4. Diện tích: héc ta (ha) hoặc m²
 5. Khả năng tiếp nhận: m³
 6. Hiện trạng khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận: mô tả hiện trạng khu đất...
 7. Thời gian dự kiến tiếp nhận:
 8. Các văn bản pháp lý của khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận: nêu và gửi kèm bản
sao các văn bản pháp lý của khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận như giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất hoặc các văn bản cho phép sử dụng khu đất của cơ quan có thẩm
quyền.
 9. Thông tin liên hệ: họ tên, chức vụ, điện thoại, email,...
- ...(1)... cam kết chịu trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Nghị định số
...../...../NĐ-CP ngày.... về việc quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển
và vùng nước đường thủy nội địa.
- ...(1)... kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(3).... xem xét, chấp thuận.

.....(4).....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu,
hoặc chữ ký số hợp lệ của tổ chức,
doanh nghiệp nếu thực hiện trên môi
trường điện tử)*

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tiếp nhận chất nạo vét.
- (2) Tên địa danh nơi lập văn bản.
- (3) Tên địa danh nơi có khu vực đề nghị tiếp nhận chất nạo vét.
- (4) Người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tiếp nhận chất nạo vét.

28) Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển (mã TTHC: 2.001802)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Căn cứ danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm chất nạo vét ở biển do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để được chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình;

- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa công bố danh mục hoặc khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển đã được công bố không bảo đảm yếu tố kinh tế, kỹ thuật của dự án, công trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển phù hợp cho chủ đầu tư dự án, công trình; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét;

- Đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp: sau khi nhận được đề xuất của chủ đầu tư, chậm nhất sau 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời gian 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển phù hợp cho chủ đầu tư dự án, công trình.

- Đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp: sau khi nhận được đề xuất của chủ đầu tư, chậm nhất sau 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển.

8. Phí, lệ phí: Không có.**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:** Không có.**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

29) Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải, đường thủy nội địa quốc gia (mã TTHC: 2.002623)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tự thực hiện nạo vét luồng hàng hải, đường thủy nội địa quốc gia (bao gồm cả nạo vét cơ bản, nạo vét duy tu và nạo vét khẩn cấp) bằng kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp (không kết hợp thu hồi sản phẩm), gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề xuất theo mẫu quy định đến Bộ Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

Căn cứ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, giải pháp huy động vốn phát triển kết cấu hạ tầng luồng hàng hải, đường thủy nội địa quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước để nạo vét luồng, Bộ Xây dựng xem xét hồ sơ và có văn bản chấp thuận trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Xây dựng có văn bản trả lời tổ chức, doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải/đường thủy nội địa quốc gia.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải/đường thủy nội địa quốc gia.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 26 Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu văn bản đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải/đường thủy nội địa quốc gia:

....(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề xuất thực hiện nạo vét
luồng hàng hải....(3)..../đường thủy
nội địa quốc gia ...(3)...

.....(2)...., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày.... tháng năm ... của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

...(1)... đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải/đường thủy nội địa quốc gia với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Sự cần thiết:
2. Phạm vi:
3. Quy mô thực hiện:
4. Nguồn vốn và khả năng huy động vốn thực hiện:
5. Thời gian thực hiện:
6. Phương án khai thác, vận hành (nếu có):
7. Thông tin liên hệ: Họ tên, chức vụ, điện thoại, email,...

(1)... cam kết tuân thủ quy định tại Nghị định số/.../NĐ-CP ngày.... về việc quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; không lợi dụng thực hiện nạo vét để thu hồi, tận thu sản phẩm nạo vét; thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, an toàn, môi trường, cảnh quan; tự chịu trách nhiệm hiệu quả đầu tư và kinh phí đầu tư; không yêu cầu nhà nước bồi hoàn chi phí.

...(1)... kính đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, chấp thuận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

.....(5).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu,
hoặc chữ ký số hợp lệ của tổ chức, doanh nghiệp
nếu thực hiện trên môi trường điện tử)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thực hiện nạo vét.
- (2) Tên địa danh nơi lập văn bản.
- (3) Tên luồng đề xuất nạo vét đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.
- (5) Người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thực hiện nạo vét

30) Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương (mã TTHC: 2.002624)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tự thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương (bao gồm cả nạo vét cơ bản, nạo vét duy tu và nạo vét khẩn cấp) bằng kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp (không kết hợp thu hồi sản phẩm), gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề xuất theo mẫu quy định đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

Căn cứ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, giải pháp huy động vốn phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước để nạo vét tuyến luồng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ và có văn bản chấp thuận trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp. Trường hợp không chấp thuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời tổ chức, doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 26 Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương:

....(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề xuất thực hiện nạo vét
đường thủy nội địa địa
phương...(3)...

.....(2)...., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(4)...

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày.... tháng năm ... của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

...(1)... đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải/đường thủy nội địa quốc gia/đường thủy nội địa địa phương với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Sự cần thiết:
2. Phạm vi:
3. Quy mô thực hiện:
4. Nguồn vốn và khả năng huy động vốn thực hiện:
5. Thời gian thực hiện:
6. Phương án khai thác, vận hành (nếu có):
7. Thông tin liên hệ: Họ tên, chức vụ, điện thoại, email,...

(1)... cam kết tuân thủ quy định tại Nghị định số/..../NĐ-CP ngày.... về việc quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; không lợi dụng thực hiện nạo vét để thu hồi, tận thu sản phẩm nạo vét; thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, an toàn, môi trường, cảnh quan; tự chịu trách nhiệm hiệu quả đầu tư và kinh phí đầu tư; không yêu cầu nhà nước bồi hoàn chi phí.

...(1)... kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(4).... xem xét, chấp thuận.

Nơi**nhận:**

.....(5).....

- Như trên;

- Lưu:...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu,
hoặc chữ ký số hợp lệ của tổ chức, doanh nghiệp
nếu thực hiện trên môi trường điện tử)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thực hiện nạo vét.
- (2) Tên địa danh nơi lập văn bản.
- (3) Tên luồng đề xuất nạo vét đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.
- (4) Tên địa danh nơi có khu vực đề xuất thực hiện nạo vét.
- (5) Người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thực hiện nạo vét.

C. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Đánh giá, phân loại cảng biển

1. Trình tự thực hiện:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam định kỳ 05 năm một lần vào tháng 01 của năm đầu tiên hoặc căn cứ tình hình phát triển thực tế tại cảng biển lập danh mục cảng biển, đánh giá, phân loại cảng biển trình Bộ Xây dựng bằng hình thức qua hệ thống điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

- Bộ Xây dựng trên cơ sở báo cáo của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, lấy ý kiến các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan có liên quan, tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp loại cảng biển và công bố danh mục cảng biển.

2. Cách thức thực hiện: qua hệ thống điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trình Bộ gồm:

+ Tờ trình đề nghị xếp loại cảng biển và công bố danh mục cảng biển;

+ Dự thảo Quyết định công bố danh mục cảng biển;

+ Các tài liệu liên quan.

- Hồ sơ Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ gồm:

+ Tờ trình Thủ tướng Chính phủ xếp loại cảng biển và công bố danh mục cảng biển;

+ Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng;

+ Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công bố danh mục cảng biển;

- Số lượng hồ sơ: không quy định.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời gian 05 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Xây dựng lấy ý kiến các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan có liên quan.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan có văn bản trả lời Bộ Xây dựng chậm nhất 02 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Xây dựng.

- Trong thời gian 08 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ ý kiến, Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp loại cảng biển và công bố danh mục cảng biển

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công bố danh mục cảng biển.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 76/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 của Chính phủ quy định tiêu chí phân loại cảng biển.
- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Thủ tướng chính phủ quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

2. Lấy ý kiến về nội dung trong quy hoạch có ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ công trình hàng hải

1. Trình tự thực hiện:

- Khi tiến hành xây dựng quy hoạch chuyên ngành có ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ công trình hàng hải, các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Xây dựng qua hệ thống điện tử hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng có văn bản trả lời về sự phù hợp của nội dung quy hoạch đối với phạm vi bảo vệ công trình hàng hải, trường hợp nội dung quy hoạch không phù hợp với phạm vi bảo vệ công trình hàng hải, Bộ Xây dựng phải hướng dẫn người đề nghị về phạm vi bảo vệ công trình hàng hải theo quy định.

2. Cách thức thực hiện: hệ thống điện tử hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản xin ý kiến

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản trả lời về sự phù hợp của nội dung quy hoạch đối với phạm vi bảo vệ công trình hàng hải.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không quy định

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2015.

- Luật Quy hoạch năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14/12/2017 của Chính phủ quy định bảo vệ công trình hàng hải.

- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Thủ tướng chính phủ quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.